

Bản án số: 144/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/09/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Thân Mạnh Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-ST ngày 11/07/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/08/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh ngày 19/04/1993 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024193018xxx

Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang ở Nhật Bản.

Chị H ủy quyền cho anh Nguyễn Thế T, sinh năm 2001; Nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Thanh Hóa giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh ngày 07/07/1989 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024089014xxx

Nơi cư trú và địa chỉ cư trú cuối cùng tại Việt Nam: tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1962 (vắng mặt)

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau kết hôn chị về nhà anh T làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tháng 04/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly hôn theo Bản án số 15/2020/HNGĐ-ST ngày 13/04/2020 của TAND huyện L. Ly hôn được khoảng 02 tháng vợ chồng lại đoàn tụ và đăng ký kết hôn lại ngày 05/06/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường P, tỉnh Bắc Ninh). Chung sống với nhau một thời gian vợ chồng lại phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do điều kiện kinh tế khó khăn ngày 12/10/2022 chị đi lao động tại Nhật Bản. Sang Nhật Bản vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng từ đầu năm 2025 anh T đi lao động tại Đài Loan vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị không liên lạc hỏi thăm anh T nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 01/05/2014 và cháu Hoàng Thị G, sinh ngày 28/02/2017 hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh T và ông C, bà N (ông bà nội). Sau ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng tạm giao cho ông C, bà N nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với mức 1.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Tại biên bản lấy lời khai với gia đình anh T, ông Hoàng Văn C, bà Trần Thị N là bố mẹ anh Hoàng Văn T cho biết.

Về hôn nhân của anh T, chị H gia đình cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về gia đình làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2022 chị H đi lao động tại Nhật Bản. Năm 2025 anh T đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo nhưng không được.

Về con chung: anh T, chị H có 02 con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 01/05/2014 và cháu Hoàng Thị G, sinh ngày 28/02/2017 Hai cháu hiện đang sinh sống cùng gia đình tại tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra gia đình cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh T sinh sống cùng gia đình tại tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi sang Đài Loan anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Gia đình đã thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị H và anh T thì anh T cho biết anh đồng ý ly hôn và giao con cho chị H nuôi dưỡng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn C, bà Trần Thị N trình bày: Ông bà đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, G cho anh T cho đến khi anh T về nước sinh sống. Ông bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, G vừa là quyền cũng như nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên không yêu cầu anh T, chị H phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, G từ trước cho đến nay và trong thời gian tới. Ông, bà đồng ý mức cấp dưỡng chị H đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Cháu Hoàng Gia H, Hoàng Thị G trình bày: Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng bố và ông bà nội tại tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng bố và ông bà nội.

Tại phiên tòa, chị H, ông C, bà N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với ông C, bà N là bố mẹ của anh T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, 107, 110, 116, 117, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H; xử:

Về hôn nhân: chị Dương Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia H, Hoàng Thị G cho anh Hoàng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu H, G cho ông Hoàng Văn C, bà Trần Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu. Kể từ tháng 09/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 1725/QLXNC ngày 20/06/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Bắc Ninh cung cấp, anh T xuất cảnh ngày 02/01/2025, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh T được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Hoàng Văn C, bà Trần Thị N (bố mẹ anh T) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh T ở Việt Nam là: tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông

qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Dương Thị H và anh Hoàng Văn T. Gia đình anh T cho biết anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/06/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường P, tỉnh Bắc Ninh). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2022 chị H đi lao động tại Nhật Bản, năm 2025 anh T đi lao động tại Đài Loan. Sau khi anh T sang Đài Loan vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên không còn liên lạc với nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Anh T thông qua gia đình cho biết anh đồng ý ly hôn với chị H. Ngoài ra tại các biên bản làm việc với ông C, bà N là bố mẹ anh T Tòa án cũng xác định được vợ chồng anh T, chị H có mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đầu năm 2025. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định anh T, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: chị H, anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 01/05/2014 và cháu Hoàng Thị G, sinh ngày 28/02/2017. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh T và ông C, bà N. Sau khi ly hôn chị H đề nghị giao con chung cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông C, bà N nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Anh T, chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên các con chung trên 07 tuổi đều có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Ông C, bà N đồng ý nuôi dưỡng cháu H, G cho

anh T cho đến khi anh T về nước sinh sống. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, học tập của cháu H, G và đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung, căn cứ vào Điều 81, điều 104 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hiền. Giao cháu Hoàng Gia H, Hoàng Thị G cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, nhưng tạm giao cho ông Hoàng Văn C, bà Trần Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh T về Việt Nam sinh sống là có căn cứ, phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo quyền vào lợi ích mọi mặt của con chung cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, chị Dương Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Dương Thị H có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H, G cùng anh T với mức cấp dưỡng 1.500.000đ/01 tháng/ 01 cháu.

Hội đồng xét xử thấy: chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H, G cùng anh T với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu. Xét thấy: căn cứ đề nghị của chị H cũng như nhu cầu thiết yếu của cháu H, G, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận mức đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung của chị H. Buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu là có căn cứ và phù hợp điều kiện hoàn cảnh và sự tự nguyện của chị H cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về thời gian, phương thức cấp dưỡng: Do chị H, anh T đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Buộc chị H cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ hàng tháng và thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

[7]. Về lỗi suất chậm thi hành án: Do các bên vắng mặt nên không thỏa thuận được, nên thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dương Thị H phải chịu

300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Dương Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H, anh T đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, ông C, bà N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia H, sinh ngày 01/05/2014 và cháu Hoàng Thị G, sinh ngày 28/02/2017 cho anh Hoàng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Dương Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Dương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia H, Hoàng Thị G cùng anh Hoàng Văn T với mức 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/ 01 cháu. Thời

gian cấp dưỡng kể từ tháng 09/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005514 ngày 17/06/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận chị Dương Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Dương Thị H, anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Hoàng Văn C, bà Trần Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường P, tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thông